

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Hai và 2 tháng đầu năm 2025

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng 02/2025, tình hình thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, công tác giám sát, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng được thực hiện thường xuyên, kịp thời và hiệu quả. Ngành nông nghiệp đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

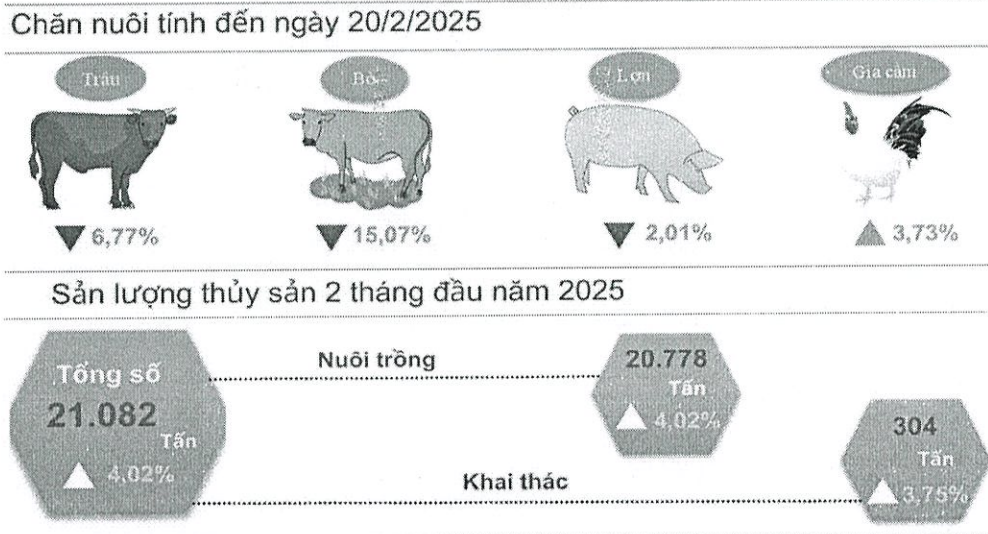
a) Nông nghiệp

Cây lúa: Lúa đông xuân xuống giống được 72.031 ha, giảm 1,07% hay 782 ha so với cùng kỳ năm trước, bắt đầu thu hoạch rộ được 39.842 ha, với giá thu mua cụ thể: giống Đài thom 8: 6.100 - 6.400 đồng/kg, OM5451 5.200 - 5.300 đồng/kg, OM34 5.200 - 5.300 đồng/kg; giống OM380, IR50404 5.000 - 5.200 đồng/kg, giống ST24 7.500 đồng/kg. Lúa hè thu xuống giống được 7.426 ha/70.177 ha, chiếm 11% so với kế hoạch, trên những trà lúa đã xuống giống ngành nông nghiệp địa phương khuyến cáo nông dân chủ động theo dõi, điều tiết nước để không chế cỏ dại và các dịch hại bù lạch, chuột;...

Cây hàng năm khác: Tổng diện tích gieo trồng rau màu, đậu các loại được 4.312 ha, giảm 1,69% so với cùng kỳ, đã thu hoạch được 2.582 ha, giảm 4,51% so với cùng kỳ, với sản lượng đạt 29.699 tấn. Trong đó, rau đậu các loại gieo trồng được 3.565 ha, tăng 3,36% so với cùng kỳ¹; cây ngô gieo trồng được 280 ha, giảm 7,59% so với cùng kỳ.

Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi trên địa bàn không xảy ra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Tại thời điểm tháng 02/2025, đàn trâu 248 con, giảm 6,77% so với cùng kỳ; đàn bò 3.719 con, giảm 15,07% so với cùng kỳ; tổng đàn heo 125.863 con, giảm 2,01% so cùng kỳ; đàn gia cầm 2.168 nghìn con, tăng 3,73% so với cùng kỳ. Sản lượng chăn nuôi cung ứng 50 - 70% nhu cầu thị trường, số lượng còn lại nhập từ các tỉnh thành khác để cung ứng đủ cho người tiêu dùng. Giá heo hơi dao động ở mức từ 65.000 - 75.000 đồng/kg; giá trâu, bò hơi ổn định ở mức từ 75.000 - 80.000 đồng/kg; giá gà ta ở mức từ 85.000 - 90.000 đồng/kg, giá vịt hơi từ 48.000 - 52.000 đồng/kg.

¹ Cây rau gieo trồng được 3.215 ha, tăng 4,01% so với cùng kỳ, đã thu hoạch được 1.971 ha, tăng 4,29% so với cùng kỳ, tập trung tại Thốt Nốt, Bình Thủy, Cờ Đỏ;... Cây đậu gieo trồng được 350 ha, giảm 2,23% so với cùng kỳ, đã thu hoạch được 256 ha.

Hình 1. Tình hình chăn nuôi, thủy sản (So với cùng kỳ năm trước)

b) Lâm nghiệp: Tính chung 2 tháng năm 2025, toàn thành phố trồng được khoảng 174 nghìn cây phân tán ở những vùng đất nhỏ lẻ ven các tuyến lộ giao thông nông thôn.

c) Thủy sản: Tháng 02/2025, diện tích nuôi trồng thủy sản (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 1.933 ha, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 419 ha, tăng 6,08% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 14.704 tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ, bao gồm nuôi trồng 14.538 tấn, giảm 0,45% so với cùng kỳ và khai thác 166 tấn, tăng 3,75%. Tính chung 2 tháng năm 2025, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 21.082 tấn, tăng 4,02% so với cùng kỳ, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng 20.778 tấn, tăng 4,02% và sản lượng thủy sản khai thác 304 tấn, tăng 3,75% so với cùng kỳ.

Hiện nay, giá bán cá tra nguyên liệu dao động 31.000 - 32.000 đồng/kg không tăng so với tháng trước, giá thành bình quân 24.000 - 25.000 đồng/kg.

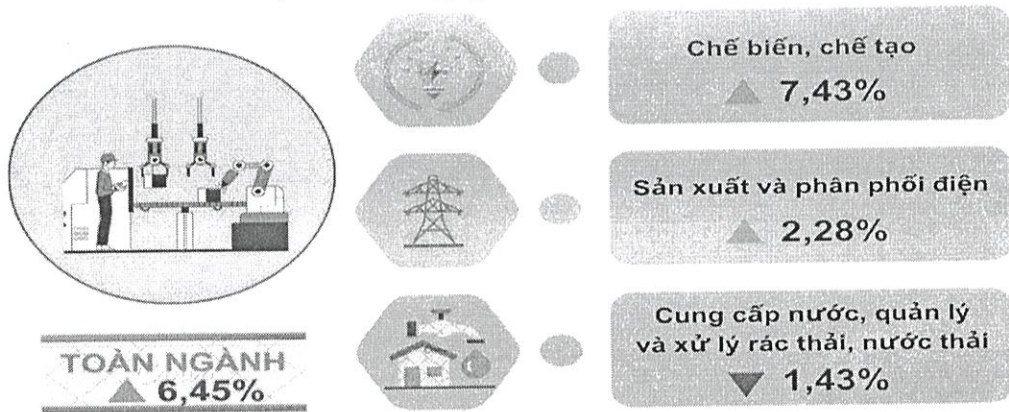
2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Hai ước tính giảm 6,65% so với tháng trước, do tháng Hai trùng với Tết Nguyên đán nên số ngày làm việc trong tháng ít hơn tháng Một. Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã hoạt động trở lại sau kỳ nghỉ Tết, nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và các đơn hàng ký kết trước đó. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 6,45% so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2025 ước tính giảm 6,65% so tháng trước và tăng 18,25% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 21,46% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 5,28%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,17%. Tính chung 02 tháng năm 2025, IIP ước tính tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,43%;

sản xuất và phân phối điện tăng 2,28%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,43% so với cùng kỳ.

Hình 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm 2025
(So với cùng kỳ năm trước)



Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong 2 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ năm trước: Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) tăng 2,7 lần; Sắt thép tăng 2,6 lần²; Tôm đông lạnh tăng 78,25%; Phân khoáng và phân hóa học NPK tăng 38,82%³; Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên tăng 37,83%; Bia đóng lon tăng 23,05%; Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác tăng 12,51%; Xay xát gạo tăng 10,32%⁴; Thức ăn gia súc tăng 9,45%; Thức ăn thủy sản tăng 7,02%; ... Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Nước uống được giảm 0,92%; Xi măng giảm 3,45%; Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...) giảm 8,83%⁵; Phi lê đông lạnh giảm 21,42%⁶; Thuốc lá có đầu lọc giảm 28,04%; Nước yến và nước bổ dưỡng khác giảm 38,20%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02/2025 ước giảm 3,34% so với tháng trước và tăng 28,38% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 2 tháng/2025, ước tăng 10,04% so với cùng kỳ. Một số ngành có mức tiêu thụ tăng cao, như: Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa 3 nguyên tố: nitơ, photpho và kali (NPK) tăng 2,6 lần; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy

² Những tháng đầu năm, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp khá thuận lợi, hầu hết các doanh nghiệp xây lắp tranh thủ sự ủng hộ của thời tiết đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, vì vậy nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu xây dựng tăng cao, hầu hết các công ty sản xuất sắt thép đang tăng cường sản xuất để có đủ hàng hóa cung ứng ra thị trường theo hợp đồng đã ký.

³ 02 tháng đầu năm 2025, phân khoáng và phân hóa học NPK sản xuất đạt 288 tấn, do sau vụ thu hoạch lúa Đông - Xuân, các cánh đồng lúa sẽ chuẩn bị xuống giống vụ mới, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm phân bón vào thuốc bảo vệ thực vật sẽ tăng, vì vậy các doanh nghiệp sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tăng cường sản xuất để có đủ hàng hóa cung ứng ra thị trường, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nông hộ.

⁴ Từ đầu năm đến nay, đa số các đơn hàng tiêu thụ gạo của các doanh nghiệp xay xát phần lớn phục vụ thị trường nhu cầu tiêu dùng nội địa, nhu cầu tiêu thụ gạo dịp đầu năm tăng cao, vì vậy sản xuất tăng. Sản xuất sản phẩm gạo các loại ước sản xuất 02 tháng đầu năm 2025 đạt trên 600 nghìn tấn, tăng 10,32% so với cùng kỳ.

⁵ Sau tết Nguyên đán, doanh nghiệp chưa nhận được nhiều đơn hàng mới, đơn vị đang chờ sự phân bổ sản xuất sản phẩm từ Tập đoàn Tổng Công ty, vì vậy sản xuất giảm.

⁶ Nhiều doanh nghiệp sản xuất và chế biến thủy sản giảm số ngày làm việc cho công nhân nghỉ tết Nguyên đán, vì vậy sản lượng sản xuất một số sản phẩm thủy sản giảm so với cùng kỳ. Hiện nay, đa số doanh nghiệp chưa ký được nhiều hợp đồng mới trong năm 2025, cụ thể sản phẩm cá phi lê đông lạnh ước sản xuất 2 tháng năm 2025 đạt trên 28 nghìn tấn giảm 21,42% so với cùng kỳ.

và bìi tăng 2,5 lần; Sản xuất sắt, thép, gang tăng 2,4 lần⁷; Thức ăn cho gia súc tăng 9,85%; Xây xát và sản xuất bột thô tăng 7,56%⁸; ... Bên cạnh đó, một số ngành có mức tiêu thụ giảm so với cùng kỳ: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản giảm 10,96%⁹; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng giảm 15,36%¹⁰; Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...) giảm 17,57%; Phi lê đông lạnh giảm 21,46%; Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 38,60%;...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm tháng 02/2025 tăng 11,98% so với cùng kỳ và giảm 1,41% so với tháng trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Xây xát và sản xuất bột thô; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất sản phẩm thuốc lá; May trang phục (trừ trang phục); Sản xuất sản phẩm từ plastic;... Bên cạnh đó, vẫn còn một số ngành có chỉ số tồn kho giảm so với cùng kỳ: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; Sản xuất trang phục; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; Sản xuất kim loại;...

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước tháng 02/2025, giảm 1,11% so với tháng trước và tăng 1,35% so với cùng kỳ năm trước; lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước ước tăng 0,19% so với tháng trước và tăng 1,61% so với cùng kỳ năm trước; doanh nghiệp ngoài nhà nước ước giảm 0,15% so với tháng trước và giảm 9,71% so với cùng kỳ năm trước; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước giảm 2,26% so với tháng trước và tăng 16,86% so với cùng kỳ năm trước. Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, lượng công nhân trở lại làm việc tại các doanh nghiệp giảm, vì vậy lao động khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm so với cùng kỳ và giảm so với tháng trước.

3. Đầu tư

a) *Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước*

Vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Hai chủ yếu thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, các dự án công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố vẫn duy trì nhịp độ thi công khẩn trương, sớm hoàn thành các hạng mục công trình.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Hai ước tính đạt 509,69 tỷ đồng, tăng 16,82% so với tháng trước và tăng 18,25%

⁷ Hiện nay đang trong mùa nắng nóng, đây là điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ các công trình xây lắp, vì vậy lượng tiêu thụ các sản phẩm phục vụ hoạt động xây lắp tăng, cụ thể như xi măng, sắt thép,...

⁸ Những ngày giáp tết Nguyên đán, nhiều doanh nghiệp xây xát nhận được đơn hàng cung ứng gạo cho các tổ chức thiện nguyện, nhiều đại lý tăng cường nhập hàng để cung ứng ra thị trường vào dịp Tết cổ truyền, vì vậy tiêu thụ sản phẩm ngành xây xát tăng.

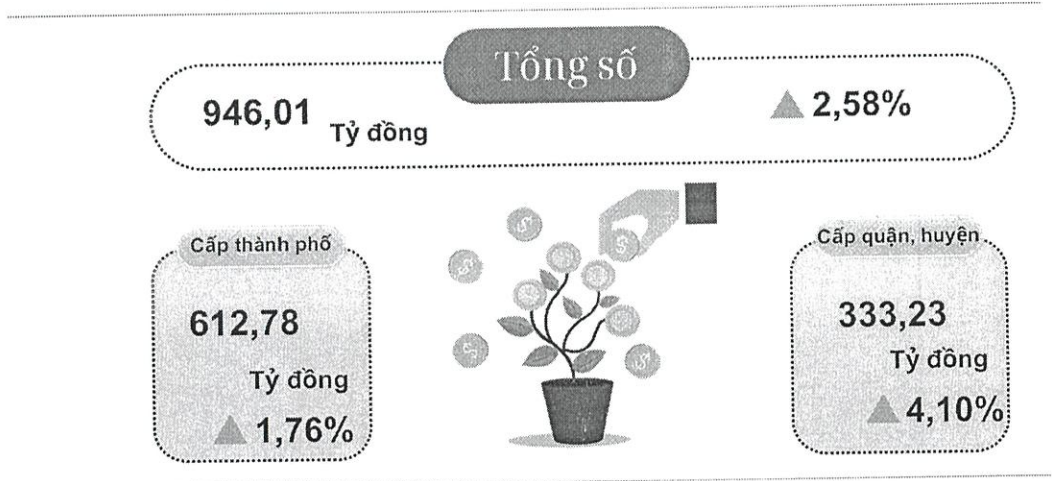
⁹ Các doanh nghiệp chế biến và bảo quản thủy sản, những tháng đầu năm 2025, đa số các đơn vị chưa ký được hợp đồng, các đơn hàng hiện tại đa số là những đơn hàng đã được ký kết từ trước. Hiện nay một số doanh nghiệp thiếu nguyên liệu sản xuất, vì vậy doanh nghiệp rất cần trọng trong việc tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm.

¹⁰ Sản xuất kinh doanh của các Công ty sản xuất nước giải khát phụ thuộc vào sự điều tiết của Tổng Công ty có trụ sở đặt tại Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ là do từ đầu năm đến nay Tổng Công ty không phân bổ sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhiều cho đơn vị tại Cần Thơ.

so cùng kỳ năm 2024. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 334,51 tỷ đồng, tăng 20,21% và tăng 20,36%; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện thực hiện 175,18 tỷ đồng, tăng 10,84% và tăng 14,43%.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư ước thực hiện 946,01 tỷ đồng, tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước và đạt 9,16% kế hoạch năm 2025. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 612,78 tỷ đồng, tăng 1,76% so với cùng kỳ năm trước và đạt 8,46% kế hoạch năm; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện đạt 333,23 tỷ đồng, tăng 4,10% so với cùng kỳ và đạt 10,82% kế hoạch năm.

Hình 3. Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước 2 tháng đầu năm 2025
(So với cùng kỳ năm trước)



Dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố: (1) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ, do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 9.845 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương. Kế hoạch vốn năm 2025 là 1.117 tỷ đồng. Những tháng đầu năm, nguồn cát san lấp tiếp tục gặp khó khăn, điều này ảnh hưởng đến tiến độ thi công phần đường, vì vậy chủ đầu tư và nhà thầu đã chuyển hướng tập 3 trung thi công phần cầu đảm bảo dự án được thực hiện thông suốt, không phải tạm dừng để chờ đợi nguồn cát san lấp. Đây là dự án trọng điểm quốc gia, khi hoàn thành sẽ mở ra hướng phát triển mới cho thành phố, kết nối giao thương với các tỉnh thành trong cả nước; (2) Dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn ngang thành phố Cần Thơ - Hậu Giang, đây cũng là một trong 2 dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố, thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang có tổng mức đầu tư hơn 10.370 tỷ đồng và chỉ có 1 gói thầu xây lắp. Hiện tại, một số mỏ cát còn vướng về thủ tục khai thác, nên trữ lượng cát được đưa về công trình chưa đáp ứng được các mốc thời gian theo kế hoạch, vì vậy kế hoạch hoàn thành gia tải của dự án không đảm bảo tiến độ đề ra.

Một số Dự án trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố: (1) Dự án đường Vành đai phía Tây nối liền quốc lộ 91 và quốc lộ 61C,

đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo Quyết định của Ban Thường vụ thành phố, do Sở Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 3.837,7 tỷ đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao 309,37 tỷ đồng; (2) *Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 91 đoạn từ Km0 đến Km7*, có tổng mức đầu tư hơn 7.237 tỷ đồng, do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư. Kế hoạch vốn năm 2025 là 3.235 tỷ đồng. Đây là dự án trọng điểm của thành phố với kỳ vọng sau khi hoàn thành sẽ tạo diện mạo mới cho thành phố, thu hút đầu tư, phát triển giao thương và kinh tế xã hội, góp phần khắc phục ùn tắc giao thông trên tuyến; (3) *Dự án kè chống sạt lở sông Ô Môn*, có tổng mức đầu tư gần 140 tỷ đồng do Chi Cục Thủy lợi thành phố làm chủ đầu tư, kế hoạch vốn năm 2025 được giao là 1 tỷ đồng. Sau 3 năm triển khai thi công, đến nay công trình cơ bản đã hoàn thành, chỉ còn dặm vá vệ sinh, tiến độ thi công đạt khoảng 90% kế hoạch, còn một số trường hợp hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án chưa bàn giao mặt bằng, điều này đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công cũng như thời hạn hoàn thành của dự án. Công trình kỳ vọng đảm bảo dân sinh, ổn định và phát triển giao thương, ứng phó với tình hình sạt lở ven sông trong mùa mưa bão; (4) *Dự án cải tạo, mở rộng 5 nút giao trọng điểm trên địa bàn quận Ninh Kiều*, có tổng mức đầu tư trên 1.200 tỷ đồng, do Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận Ninh Kiều làm chủ đầu tư. Hiện nay, chủ đầu tư đã phối hợp với công ty cổ phần cấp thoát nước và điện lực Cần Thơ để lập phương án di dời cơ sở hạ tầng điện nước, thông qua kinh phí di dời và hỗ trợ tái định cư với các ban ngành liên quan và hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu để triển khai thi công nút giao số 1 và số 4.

Ngoài những dự án nêu trên, thành phố còn một số dự án trọng điểm đã được phê duyệt, đang trong giai đoạn chuẩn bị và hoàn thiện thủ tục ban đầu sẽ khởi công trong thời gian tới, như: Dự án xây dựng Trụ sở Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, Dự án xây dựng Khu hành chính thành phố Cần Thơ,...

b) Thu hút đầu tư trong nước (ngoài khu công nghiệp): Tháng 02 năm 2025, thành phố chưa thu hút được dự án mới. Lũy kế đến thời điểm báo cáo, hiện có 94 dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đang triển khai thực hiện, tổng diện tích khoảng 1.922,61 ha.

c) Thu hút vốn trực tiếp nước ngoài (FDI): Tháng 02 năm 2025, thành phố chưa thu hút dự án mới; thu hồi 01 dự án với số vốn đăng ký 0,02 triệu USD (100% Hàn Quốc). Lũy kế đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn thành phố có 79 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.219,70 triệu USD (Trong Khu Công nghiệp 29 dự án, tổng vốn đăng ký 612,33 triệu USD; ngoài Khu Công nghiệp 50 dự án, tổng vốn đăng ký 1.607,37 triệu USD).

d) Tình hình đăng ký doanh nghiệp: Tháng 02 năm 2025, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 126 doanh nghiệp các loại hình, giảm 23,63% so với tháng trước và tăng 21,75% so với cùng kỳ; với tổng vốn đăng ký 292,66 tỷ đồng, giảm 55,39% so với tháng trước và giảm 49,64% so với cùng kỳ. Ước tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 16 doanh nghiệp, tăng 6,25% so tháng trước, giảm 8,82%

so với cùng kỳ; ước đăng ký tạm ngưng hoạt động 42 doanh nghiệp, giảm 91,73% so với tháng trước và giảm 19,04% so với cùng kỳ và ước đăng ký hoạt động trở lại 26 doanh nghiệp, giảm 84,70% so với tháng trước và tăng 30,66% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2025, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 291 doanh nghiệp các loại hình, tăng 21,76% so với cùng kỳ; đạt 15,32% kế hoạch; với tổng vốn đăng ký 948,69 tỷ đồng, giảm 49,65% so với cùng kỳ, đạt 6,54% kế hoạch; ước tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 31 doanh nghiệp, giảm 8,82% so với cùng kỳ; ước đăng ký tạm ngưng hoạt động 550 doanh nghiệp, tăng 19,05% so với cùng kỳ và ước đăng ký hoạt động trở lại 196 doanh nghiệp, tăng 30,67% so với cùng kỳ.

e) Công tác giải ngân: Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, tính đến ngày 26/02/2025, kết quả giải ngân kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công xây dựng cơ bản đã giải ngân được 204,56 tỷ đồng (bao gồm cả tạm ứng), đạt 1,98% so với KH năm, bao gồm: Cấp thành phố giải ngân được 79,87 tỷ đồng, đạt 1,10% so với KH; cấp quận, huyện giải ngân được 124,69 tỷ đồng, đạt 4,05% so với kế hoạch.

4. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Những ngày đầu tháng Hai, các cửa hàng, các chợ đã hoạt động trở lại từ mừng 2 Tết, giá cả hàng hóa tương đối ổn định so với tháng trước Tết. Các khu, điểm du lịch đã đầu tư, trang trí để thu hút du khách trong dịp Tết và được người dân, du khách đánh giá cao.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2025, ước đạt 11.679,67 tỷ đồng, giảm 4,45% so với tháng trước và tăng 17,07% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng năm 2025 ước đạt 23.903,03 tỷ đồng, tăng 14,86% so với cùng kỳ. Trong đó:

Bán lẻ hàng hóa: Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 02/2025 ước đạt 8.176,35 tỷ đồng, giảm 4,51% so với tháng trước và tăng 18,46% so với cùng kỳ. Trong đó, có 06 nhóm tăng trên 24% so với cùng kỳ như: Lương thực, thực phẩm tăng 24,73%; Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 31,04%; Ô tô các loại tăng 38,74%; Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu) tăng 29,07%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 46,08%; Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 35,62%.

Tính chung 2 tháng, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 16.738,55 tỷ đồng, tăng 16,10% so với cùng kỳ. Trong đó, có 09 nhóm ngành hàng tăng và 03 nhóm ngành giảm so cùng kỳ năm trước, trong đó tăng cao nhất là 05 nhóm hàng như sau: Lương thực, thực phẩm tăng 24,07%; Ô tô các loại tăng 33,24%; Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu) tăng 29,65%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 34,66%; Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 29,58%.

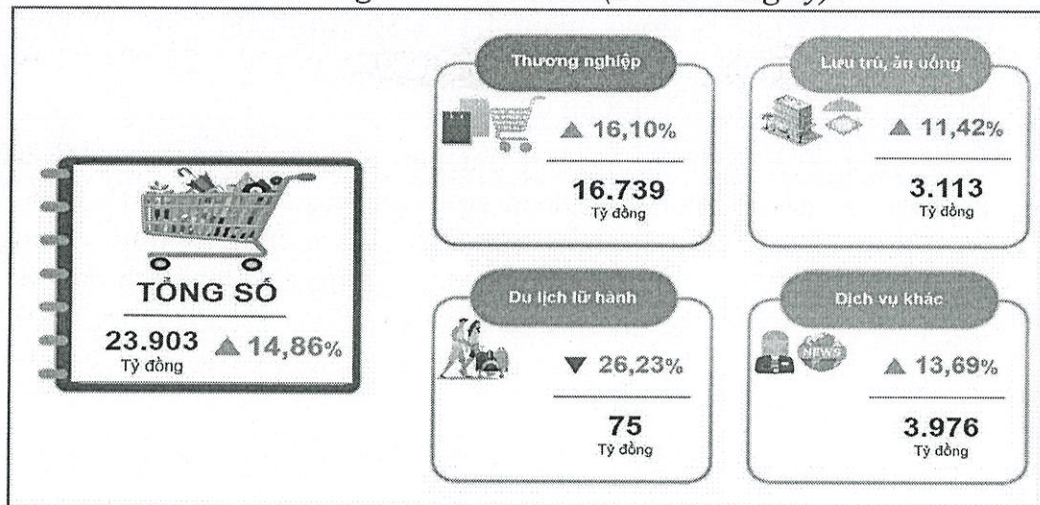
Lưu trú, ăn uống: Các cơ sở lưu trú trên địa bàn được đầu tư mới, quy mô lớn, chất lượng dịch vụ ngày càng cao; ẩm thực của thành phố đa dạng và phong phú với rất nhiều hình thức đáp ứng nhu cầu của du khách. Doanh thu lưu trú, ăn

uống tháng 02/2025 ước đạt 1.527,19 tỷ đồng, giảm 3,73% so với tháng trước và tăng 16,38% so cùng kỳ. Tính chung 02 tháng năm 2025, ước đạt 3.113,48 tỷ đồng, tăng 11,42% so với cùng kỳ, cụ thể: Dịch vụ lưu trú ước đạt 216,81 tỷ đồng, tăng 18,85% so với cùng kỳ; dịch vụ ăn uống ước đạt 2.896,67 tỷ đồng, tăng 10,90% so với cùng kỳ.

Du lịch lữ hành: Tết dương lịch và Tết âm lịch nằm trong tháng Một nên bước sang tháng 02/2025 tình hình du lịch tại địa phương giảm hơn so với ngay thời điểm trong Tết, đồng thời cùng kỳ Tết Nguyên đán nằm trong tháng Hai, vì thế doanh thu đều giảm so với tháng trước và so với cùng kỳ. Doanh thu du lịch lữ hành tháng 02/2025 ước đạt 34,73 tỷ đồng, giảm 12,82% so với tháng trước và giảm 31,68% so cùng kỳ. Tính chung 2 tháng, doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 74,56 tỷ đồng, giảm 26,23% so cùng kỳ.

Dịch vụ khác: Doanh thu dịch vụ ước đạt 1.941,41 tỷ đồng, giảm 4,60% so với tháng trước, tăng 13,46% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 2 tháng, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 3.976,44 tỷ đồng, tăng 13,69% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, hầu hết các ngành đều tăng so cùng kỳ, riêng dịch vụ giáo dục và đào tạo giảm so cùng kỳ năm 2024, cụ thể: Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 4,53%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 9,58%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 19,28%; dịch vụ kinh doanh bất động sản dân phục hồi trở lại, sức mua tăng, doanh thu tăng 13,91% so cùng kỳ.... và dịch vụ giáo dục và đào tạo giảm 1,44%.

Hình 4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 02 tháng đầu năm 2025 (So với cùng kỳ)



5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Tình hình giá cả hàng hóa tháng Hai, là tháng sau Tết nên giá cả một số mặt hàng giữ luôn giá từ đầu năm mới, một số mặt hàng cũng có mức giá giảm do yếu tố mùa vụ. Tình hình cung cầu, giá cả thị trường cơ bản ổn định, tại chợ truyền thống giá các mặt hàng thiết yếu tăng theo quy luật. Tại các siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại mức giá cơ bản được giữ ổn định thậm chí còn được khuyến mãi giảm giá với nhiều hàng hóa khác nhau, từ lương thực

thực phẩm, đồ uống cho đến đồ dùng gia đình và cả sản phẩm công nghệ... đều có chương trình khuyến mãi nhằm kích cầu tiêu dùng dịp sau Tết và ngày Lễ tình nhân 14/2.

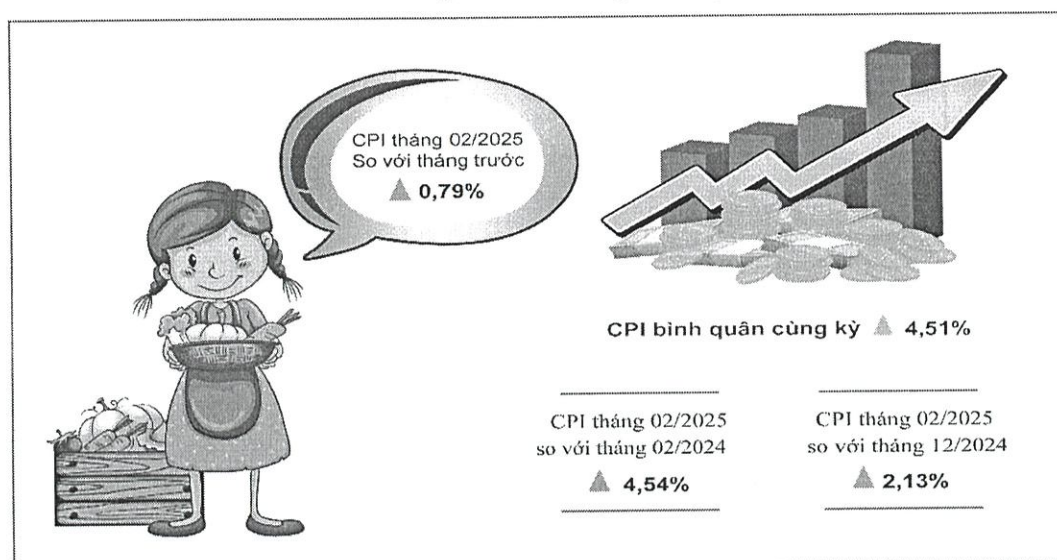
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02 năm 2025 tăng 0,79% so với tháng trước; tăng 4,54% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,13% so với tháng 12 năm trước; chỉ số giá bình quân Hai tháng đầu năm tăng 4,51% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

So với tháng trước, có 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có chỉ số giá tăng, cụ thể: Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,64%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,44%; Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,70%; Giao thông tăng 0,70%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,23%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,02%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,01%. Có 4/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số ổn định so với tháng trước: May mặc, mũ nón và giày dép; Thuốc và dịch vụ y tế; Bưu chính viễn thông và Giáo dục.

Các nguyên nhân tác động đến giá CPI tháng 02 năm 2025

Hầu hết các nhóm hàng hóa đều có chỉ số giá tăng và ổn định sau dịp Tết Nguyên đán, nhóm có chỉ số giá tăng cao nhất là nhóm văn hóa giải trí và du lịch¹¹, chủ yếu tăng ở nhóm ngành hàng du lịch trọn gói trong nước do chi phí dịch vụ tăng cao như lưu trú, ăn uống, vận tải... kể đến là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, chủ yếu tăng ở mặt hàng nhà ở cho thuê do cập nhật giá mới đầu năm; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình, nhóm đồ uống thuốc lá có chỉ số tăng nhẹ lần lượt từ 0,01% đến 0,02%. Còn lại nhóm may mặc mũ nón giày dép, nhóm bưu chính viễn thông, nhóm thuốc và dịch vụ y tế và nhóm giáo dục có chỉ số giá ổn định so với tháng trước.

Hình 5. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2025



Chỉ số giá vàng tháng Hai tăng 4,79% so với tháng trước, tăng 39,32% so với cùng tháng năm trước, tăng 5,75% so với tháng 12 năm trước. Giá vàng

¹¹ Chỉ số giá nhóm Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,64% so với tháng trước, so với cùng tháng năm trước tăng 3,04%. Chủ yếu tăng mạnh ở nhóm dịch vụ du lịch trọn gói trong nước tăng 29,66%, do nhu cầu đi lại của người dân tăng cao.

nhấn Sjc ngày 21/02/2025 trên địa bàn thành phố dao động quanh mức 9.160.000 đồng/chỉ.

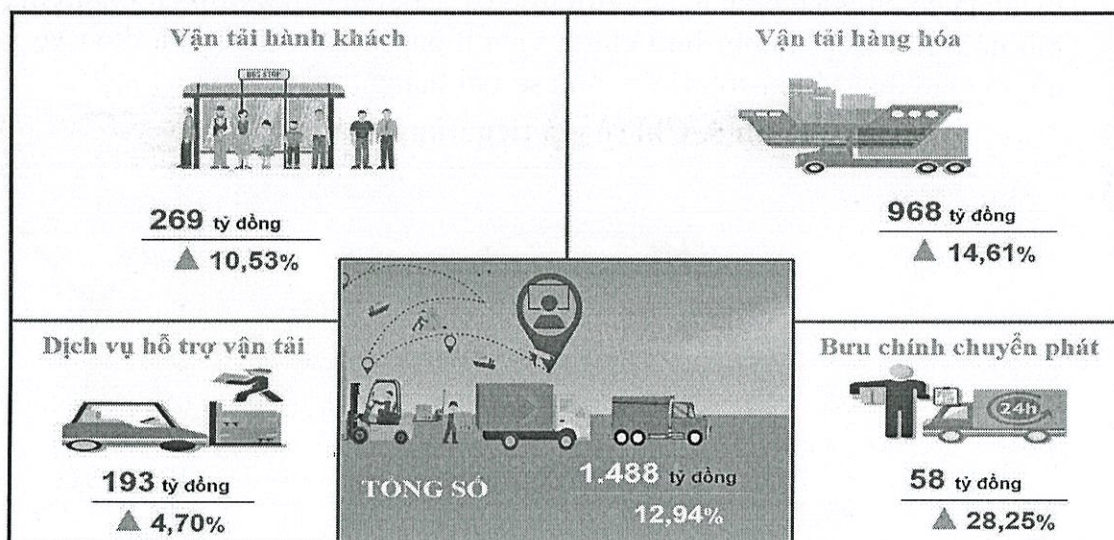
Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Hai giảm 0,28% so với tháng trước, tăng 3,38% so với cùng tháng năm trước, giảm 0,06% so với tháng 12 năm trước. Giá đô la Mỹ ngày 21/02/2025 dao động quanh mức 25.660 đồng/USD.

6. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

Tình hình vận chuyển hàng hóa, hành khách trên địa bàn diễn ra thông suốt, đảm bảo nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, trong đó, vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy đều tăng so với cùng kỳ. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng Hai và 2 tháng đầu năm 2025 đều tăng so với cùng kỳ năm 2024.

Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng 02/2025 ước đạt 748,10 tỷ đồng, tăng 1,15% so tháng trước và tăng 10,51% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng, doanh thu ước đạt 1.487,69 tỷ đồng, tăng 12,94% so cùng kỳ năm trước, cụ thể: Vận tải hành khách ước đạt 268,91 tỷ đồng, tăng 10,53%; vận tải hàng hóa ước đạt 968 tỷ đồng, tăng 14,61%; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 192,90 tỷ đồng, tăng 4,70%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 57,88 tỷ đồng, tăng 28,25% so cùng kỳ.

Hình 6. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát 2 tháng đầu năm 2025 (So với cùng kỳ)



Vận tải hành khách: Tháng 02/2025, số hành khách vận chuyển ước đạt 2.433,75 nghìn hành khách, giảm 5,40% so với tháng trước và tăng 7,86% so với cùng kỳ; số hành khách luân chuyển ước đạt 206.298,94 nghìn lượt hành khách.km, giảm 8,14% so tháng trước và tăng 9,17% so cùng kỳ. Tính chung 2 tháng năm 2025, số hành khách vận chuyển ước đạt 5.006,43 nghìn hành khách, tăng 12,43% so với cùng kỳ; số hành khách luân chuyển đạt 430.880,42 nghìn lượt hành khách.km, tăng 12,95% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 02/2025, ước đạt 2.068,01 nghìn tấn, tăng 1,91% so với tháng trước và tăng 8,88% so với

cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 363.373,64 nghìn tấn.km, tăng 3,74% so tháng trước và tăng 12,19% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng năm 2025, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 4.097,20 nghìn tấn, tăng 13,53% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 713.641,63 nghìn tấn.km, tăng 16,26% so với cùng kỳ.

7. Tài chính, ngân hàng

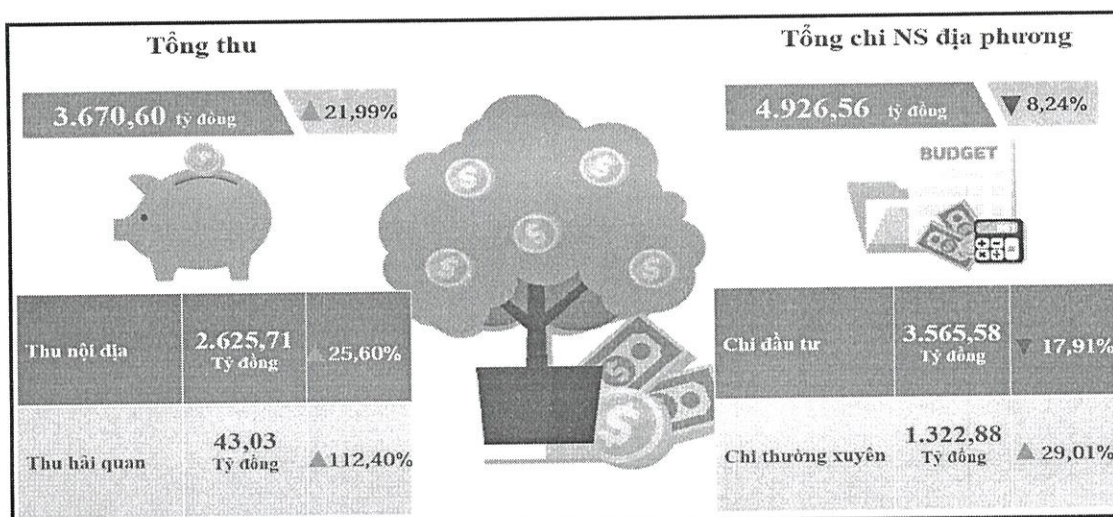
a) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đến ngày 25/02/2025 đạt 3.670,60 tỷ đồng, bằng 16,67% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 21,99% so với cùng kỳ. Cụ thể một số khoản thu chính như sau:

Thu nội địa đạt 2.625,71 tỷ đồng, bằng 21,73% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 25,60% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 129,09 tỷ đồng, bằng 19,62% dự toán, giảm 2,54% so với cùng kỳ; thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 728,20 tỷ đồng, bằng 24,68% dự toán, tăng 18,01% so với cùng kỳ; thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 388,66 tỷ đồng, bằng 32,94% dự toán, tăng 21,82% so với cùng kỳ.

Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 43,03 tỷ đồng, bằng 15,37% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 112,40% so với cùng kỳ.

Hình 7. Thu chi ngân sách nhà nước đến ngày 25/02/2025



Chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện đến ngày 25/02/2025 đạt 4.926,56 tỷ đồng, bằng 20,36% dự toán HĐND thành phố giao, giảm 8,24% so cùng kỳ. Trong đó:

Chi cho đầu tư phát triển đạt 3.565,58 tỷ đồng (kể cả chi tạm ứng XD CB năm 2024 chuyển sang), bằng 39,09% dự toán, giảm 17,91% so cùng kỳ.

Chi thường xuyên đạt 1.322,88 tỷ đồng, bằng 16,16% dự toán, tăng 29,01% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt 519,02 tỷ đồng, bằng 13,94% so với dự toán và tăng 30,85% so với cùng kỳ; chi cho sự nghiệp y tế đạt 72,03 tỷ đồng, bằng 17,32% so với dự toán và tăng 32,52% so với cùng kỳ.

b) Ngân hàng

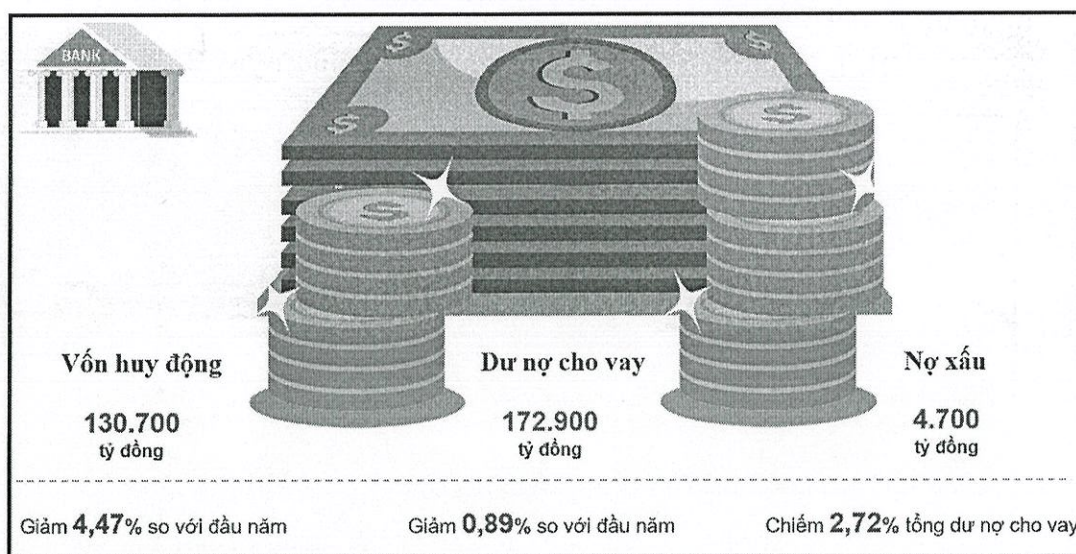
Vốn huy động: Đến cuối tháng 02/2025, vốn huy động ước đạt 130.700 tỷ đồng, tăng 0,53% so với tháng 01/2025, giảm 4,47% so với tháng 12/2024, trong đó vốn huy động trên 12 tháng là 14.500 tỷ đồng, chiếm 11,09%, tăng 1,31% so với tháng 01/2025, tăng 1,60% so với tháng 12/2024.

Tổng dư nợ cho vay: Đến cuối tháng 02/2025, tổng dư nợ cho vay ước đạt 172.900 tỷ đồng, tăng 0,63% so với tháng 01/2025, giảm 0,89% so với tháng 12/2024. Nợ xấu là 4.700 tỷ đồng, chiếm 2,72% tổng dư nợ cho vay.

Phân theo loại tiền: Dư nợ cho vay VNĐ 165.200 tỷ đồng, chiếm 95,55%, tăng 0,48% so với tháng 01/2025; giảm 0,63% so với tháng 12/2024; dư nợ cho vay ngoại tệ 7.700 tỷ đồng, chiếm 4,45% tổng dư nợ cho vay, tăng 3,90% so với tháng 01/2025, giảm 6,18% so với tháng 12/2024.

Phân theo thời hạn: Dư nợ cho vay ngắn hạn 105.900 tỷ đồng, chiếm 61,25%, tăng 0,60% so với tháng 01/2025; giảm 2,28% so với tháng 12/2024; dư nợ cho vay trung dài hạn 67.000 tỷ đồng, chiếm 38,75% tổng dư nợ cho vay, tăng 0,67% so với tháng 01/2025, tăng 1,40% so với tháng 12/2024.

Hình 8. Hoạt động ngân hàng đến cuối tháng 02/2025



8. Các vấn đề xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức tập huấn giới thiệu sách giáo khoa được Bộ GD&ĐT phê duyệt và tập huấn tài liệu Giáo dục kỹ năng công dân số với hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Hội nghị tập huấn công tác bảo vệ bí mật nhà nước và bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng năm 2025; Hội nghị tập huấn nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cho các cơ sở giáo dục.

Tổ chức Vòng chung khảo Cuộc thi Khoa học kỹ thuật học sinh trung học cấp thành phố năm học 2024 - 2025 với 167 sản phẩm/dự án (06 giải Nhất, 29 giải Nhì, 31 giải Ba và 65 giải Khuyến khích; Giải bóng đá nam học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2024 - 2025 với 07 phòng giáo dục

và đào tạo quận, huyện và 28 cơ sở giáo dục trực thuộc Sở cùng 405 vận động viên tham gia (02 giải Nhất, 02 giải Nhì và 04 giải Ba).

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân

Tình hình dịch bệnh: Tính từ ngày 16/01/2025 đến ngày 15/02/2025, Thành phố Cần Thơ ghi nhận 10 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 22 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; tay chân miệng ghi nhận 04 trường hợp mắc, giảm 23 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; sởi 41 ca mắc được chuẩn đoán lâm sàng, không ghi nhận trường hợp tử vong; sốt phát ban nghi sởi ghi nhận 50 trường hợp mắc; tiêu chảy 780 trường hợp, tăng 38% so với tháng trước.

Công tác y tế dự phòng khác: Triển khai Chương trình tiêm chủng mở rộng, tổ chức tiêm chủng thường xuyên và tiêm bù các mũi vắc xin thuộc Chiến dịch tiêm chủng bổ sung vắc xin phòng, chống bệnh Sởi và chiến dịch tiêm vắc xin Uốn ván - Bạch hầu (Td). Thường xuyên, liên tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn, theo dõi sự gia tăng các trường hợp mắc bệnh lây qua đường hô hấp, các trường hợp viêm phổi nặng do vi rút.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS: Trong tháng, phát hiện 11 trường hợp nhiễm mới, không ghi nhận trường hợp tử vong. Lũy tích từ đầu năm đến thời điểm báo cáo, phát hiện 33 trường hợp, không có tử vong. Đang điều trị ARV cho 5.618 trường hợp, đang điều trị Methadone cho 287 trường hợp.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Tăng cường công tác thông tin, giáo dục và truyền thông về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

c) Văn hóa, thể dục, thể thao (VHTTDL)

Văn hóa: Tham mưu Ban Chỉ đạo thành phố ban hành Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 03/02/2025 khảo sát, kiểm tra tình hình xây dựng đô thị văn minh năm 2025. Phối hợp công nhận danh hiệu “Phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh” tại các quận, huyện theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg của Chính phủ và Kế hoạch 183/KH-UBND của UBND thành phố, kiểm tra, thẩm định kết quả xây dựng tiêu chí đô thị văn minh thị trấn Thới Lai giai đoạn 2023 - 2025.

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa: Tổ chức Chương trình “Sắc Xuân miệt vườn” năm 2025; phục vụ khách tham quan trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, Bảo tàng thành phố, Di tích lịch sử Khâm lớn Cần Thơ, Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ và Phố Ông đồ. Tiếp tục tham mưu công tác trưng bày tại di tích lịch sử Lộ Vòng Cung Cần Thơ; triển khai công tác chuẩn bị tổ chức Chương trình dâng hương Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương năm 2025.

Thư viện: Mạng lưới thư viện công cộng toàn thành phố phục vụ 455.013 lượt bạn đọc và 956.227 lượt tài nguyên thông tin.

Thể dục, thể thao quần chúng: Ban hành Kế hoạch phối hợp phát triển thể dục thể thao cho mọi người trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2025; Kế hoạch triển khai, thực hiện Đề án số 10-ĐA/TU ngày 29/12/2021 của Thành ủy Cần Thơ và Đề án Phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp thành phố Cần Thơ năm 2025.

Thể thao thành tích cao: Từ đầu năm đến nay, thực hiện các chỉ tiêu số môn thể thao cấp quốc gia là 20 môn, đạt 100% kế hoạch năm; số vận động viên (VĐV) đạt đẳng cấp quốc gia 08 VĐV, đạt 6% kế hoạch năm; số học sinh năng khiếu chính thức 338 VĐV, đạt 106,9% kế hoạch năm. Cử 02 trưởng đoàn, 11 HLV, 72 VĐV tham dự 03 giải thể thao quốc gia đạt 16 huy chương (02 huy chương vàng, 06 huy chương bạc, 08 huy chương đồng).

d) Chính sách lao động - xã hội

Lĩnh vực lao động: Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ đã thực hiện tư vấn việc làm, chính sách việc làm và học nghề cho 15.666 lượt người, giới thiệu việc làm trong và ngoài nước cho 640 lượt người, cung ứng lao động trong và ngoài nước cho 143 lượt người; thông qua các hình thức như gián tiếp qua email, tổng đài điện thoại, nhóm Quản trị nhân sự Cần Thơ, mạng xã hội Zalo và Facebook của Trung tâm, Cổng thông tin Việc làm Cần Thơ, mã QR của Trung tâm; trực tiếp qua các Điểm tư vấn việc làm cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an năm 2025. Bên cạnh đó, Trung tâm đã thực hiện thu thập thông tin của 330 lượt lao động có nhu cầu tìm việc cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm thống kê thực trạng thị trường lao động do Trung tâm quản lý. Trung tâm đã hỗ trợ 487 người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Thực hiện chính sách Người có công: Toàn thành phố hiện có 4.765 đối tượng, người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi thường xuyên với tổng kinh phí gần 14 tỷ đồng¹²; trong đó có 18 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tất cả các Mẹ đều đã được các đơn vị nhận phụng dưỡng.

Lĩnh vực xã hội: Thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên ngoài cộng đồng cho 44.775 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền hơn 32,945 tỷ đồng.

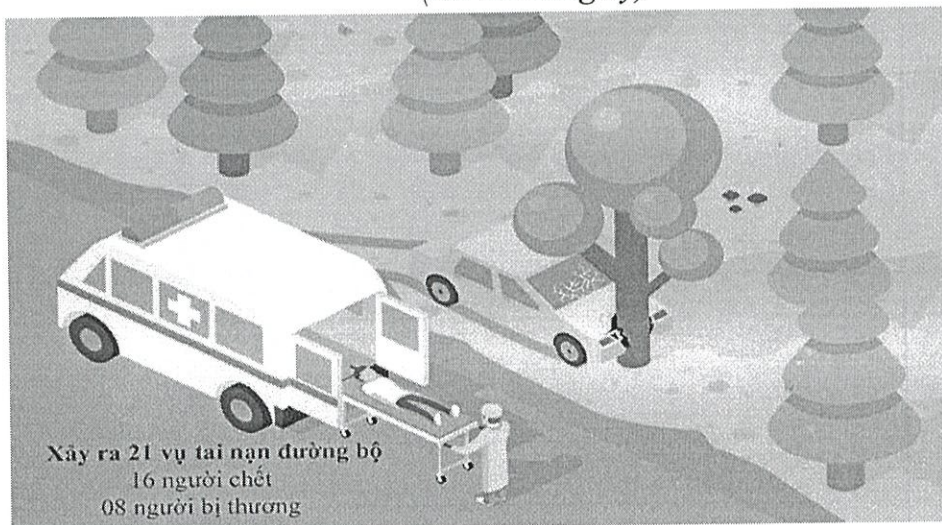
e) Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ (từ ngày 15/01/2025 đến ngày 14/02/2025) đã xảy ra 21 vụ đường bộ, giảm 21 vụ so cùng kỳ; chết 16 người, giảm 01 người so với cùng kỳ; 8 người bị thương, giảm 33 người so với cùng kỳ. Lũy kế Hai tháng năm 2025, đã xảy ra 45 vụ tai nạn giao thông, giảm 39 vụ so cùng kỳ; chết 34 người, tăng 03 người so với cùng kỳ; 19 người bị thương, giảm 59 người so với cùng kỳ.

Tình hình cháy, nổ tháng 02/2025 (từ ngày 15/01/2025 đến 14/02/2025) trên địa bàn thành phố Cần Thơ không xảy ra vụ cháy, nổ (giảm 02 vụ so với cùng kỳ).

¹² Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt (lũy kế đến nay): Đã mở thẻ ATM cho 2.312/4.765 đối tượng người có công với cách mạng, đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho 2.312 đối tượng người có công với số tiền 6,794 tỷ đồng, đạt tỷ lệ số đối tượng được chi trả qua tài khoản là 48,52%. Đã cập nhật dữ liệu cho 4.765 đối tượng người có công với cách mạng, đạt tỷ lệ 100%.

Hình 9. Tình hình tai nạn giao thông đường bộ tháng 02/2025
(So với cùng kỳ)



Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTK;
- Thành ủy, UBND TP Cần Thơ;
- CTK các tỉnh ĐBSCL và các TP T.thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP Cần Thơ;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ban Lãnh đạo Cục;
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê các khu vực và Chi cục Thống kê quận Ninh Kiều;
- Website Cục Thống kê;
- Phần mềm quản lý tài liệu;
- Lưu: VT, TKTH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Đăng Thanh Phong



1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 02 tháng năm 2025

	Đơn vị tính	Ước tính 02 tháng năm 2025	02 tháng năm 2025 so cùng kỳ năm 2024 (%)
1 Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	106,45
2 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý	Triệu đồng	946.006	102,58
3 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Triệu đồng	23.903.030	114,86
4 Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	104,51
5 Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Triệu đồng	1.487.693	112,94
6 Tổng thu ngân sách nhà nước (Lũy kế đến ngày 25/02/2025)	Triệu đồng	3.670.603	121,99
7 Tổng chi ngân sách địa phương (Lũy kế đến ngày 25/02/2025)	Triệu đồng	4.926.559	91,76

2. Sản xuất nông nghiệp

	Ha; %		
	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Diện tích gieo trồng cây hàng năm	77.199	76.343	98,89
Lúa	72.813	72.031	98,93
Lúa đông xuân	72.813	72.031	98,93
Các loại cây khác	4.386	4.312	98,31
Ngô	303	280	92,41
Rau các loại	3.091	3.215	104,01
Đậu các loại	358	350	97,77

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	%			
	Thực hiện tháng 01/2025 so với cùng kỳ	Ước tính tháng 02/2025 so với tháng trước	Ước tính tháng 02/2025 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2025 với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	97,38	93,35	118,25	106,45
Khai khoáng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	97,05	92,55	121,46	107,43
Sản xuất chế biến thực phẩm	101,87	98,16	121,22	110,62
Sản xuất đồ uống	104,84	61,88	78,83	93,10
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	63,54	122,31	80,71	71,96
Dệt	85,78	125,48	110,45	97,96
Sản xuất trang phục	102,39	83,25	125,80	111,85
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	85,11	93,53	122,85	99,95
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế);	...	...	...	...
sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	...	...	...	...
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	210,96	144,41	324,58	265,97
In, sao chép bản ghi các loại	76,39	97,58	120,66	93,30
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	...	...	...	...
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	85,17	104,05	117,79	99,17
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	113,62	88,11	163,02	132,42
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	125,99	99,68	149,10	136,56
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	95,14	101,97	103,93	99,38
Sản xuất kim loại	318,21	32,26	170,24	262,55
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	78,45	99,85	169,66	107,26
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	...	...	...	...
Sản xuất thiết bị điện	...	...	...	...
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	30,23	104,47	99,16	46,88
Sản xuất xe có động cơ	...	...	...	...
Sản xuất phương tiện vận tải khác	...	...	...	...
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	56,27	49,46	34,22	46,38
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	97,93	100,77	132,52	112,70
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	...	...	...	...
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	99,51	97,38	105,28	102,28
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	94,49	96,78	103,17	98,57
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	97,05	100,84	101,16	99,08
Thoát nước và xử lý nước thải	...	...	...	...
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	92,89	94,12	104,61	98,23
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	...	...	...	...

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 01/2025	Ước tính tháng 02/2025	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2025	Tháng 02/2025 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối 02/2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tên sản phẩm						
(Theo ngành sản phẩm mới)						
- Phi lê đông lạnh	Tấn	14.033	14.788	28.821	91,56	78,58
- Tôm đông lạnh	Tấn	4.349	3.765	8.114	180,75	178,25
- Xay xát gạo	Tấn	299.646	301.054	600.700	113,72	110,32
- Thức ăn gia súc	Tấn	40.546	36.988	77.534	113,12	109,45
- Thức ăn thủy sản	Tấn	51.556	51.000	102.556	120,72	107,02
- Bia đóng lon	1.000 Lit	3.709	2.515	6.224	149,52	123,05
- Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1.000 Lit	24.157	14.480	38.637	73,40	91,17
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	1.000 Lit	407	418	825	70,73	61,80
- Thuốc lá có đầu lọc	1.000 Bao	7.771	9.505	17.276	80,71	71,96
- Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1.000 Cái	2.300	2.300	4.600	121,24	108,90
- Quần áo may sẵn	1.000 Cái	536	532	1.068	133,33	108,98
- Phân khoáng và phân hóa học NPK	Tấn	143	145	288	138,10	138,82
- Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhấn)	1000 chiếc	5.431	7.871	13.302	325,18	267,22
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	915	800	1.715	175,35	137,83
- Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác	Tấn	1.483	1.084	2.568	107,73	112,51
- Xi măng	1.000 Tấn	132	134	266	100,18	96,55
- Sắt thép	Tấn	34.444	11.111	45.556	170,24	262,55
- Đinh, đinh mũ, ghim dập	Tấn	942	941	1.883	169,66	107,26
- Điện thương phẩm	Triệu KWh	230	246	476	109,41	102,05
- Nước uống được	1.000 M3	4.736	4.776	9.513	101,16	99,08
- Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	22.621	17.826	40.448	191,60	148,70

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

	Triệu đồng; %					
	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện tháng 01 năm 2025	Ước tính tháng 02 năm 2025	Ước tính 02 tháng năm 2025	So với cùng kỳ năm trước	
					Tháng 02 năm 2025	02 tháng năm 2025
TỔNG SỐ	10.323.354	436.312	509.694	946.006	118,25	102,58
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	7.242.931	278.266	334.512	612.778	120,36	101,76
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	513.163	32.589	41.532	74.121	102,34	79,61
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	375.490	17.378	19.877	37.255	84,93	69,72
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	3.029.086	90.785	108.286	199.071	76,34	70,05
Vốn nước ngoài (ODA)	-	-	-	-	-	-
Xổ số kiến thiết	465.682	20.663	26.852	47.515	66,36	43,86
Vốn khác	3.235.000	134.229	157.842	292.071	300,05	264,91
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	3.080.423	158.046	175.182	333.228	114,43	104,10
Vốn cân đối ngân sách huyện	1.526.105	72.414	76.530	148.944	76,10	69,43
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	816.458	42.400	45.673	88.073	77,27	78,20
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	1.554.318	85.632	98.652	184.284	187,82	174,56
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

6. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

	Triệu đồng				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	8.562.203	8.176.351	16.738.554	118,46	116,10
Lương thực, thực phẩm	3.296.986	3.068.064	6.365.050	124,73	124,07
Hàng may mặc	214.731	158.569	373.301	76,69	81,11
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	1.082.023	1.074.433	2.156.456	131,04	129,09
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	79.868	65.930	145.797	78,34	80,18
Gỗ và vật liệu xây dựng	1.024.316	1.005.994	2.030.310	104,97	98,69
Ô tô các loại	530.591	571.408	1.101.999	138,74	133,24
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	301.500	261.303	562.802	109,38	100,35
Xăng, dầu các loại	1.123.480	1.033.010	2.156.490	103,00	104,53
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	119.709	116.786	236.494	129,07	129,65
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	386.092	448.340	834.432	146,08	134,66
Hàng hóa khác	233.494	206.331	439.825	103,21	108,42
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	169.413	166.185	335.597	135,62	129,58

7. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	Triệu đồng				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.586.295	1.527.185	3.113.480	116,38	111,42
Dịch vụ lưu trú	111.420	105.392	216.812	120,61	118,85
Dịch vụ ăn uống	1.474.875	1.421.793	2.896.669	116,08	110,90
Du lịch lữ hành	39.831	34.726	74.556	68,32	73,77
Dịch vụ khác	2.035.030	1.941.409	3.976.439	113,46	113,69

8. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Triệu đồng				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	12.223.359	11.679.671	23.903.030	117,07	114,86
Bán lẻ hàng hóa	8.562.203	8.176.351	16.738.554	118,46	116,10
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.586.295	1.527.185	3.113.480	116,38	111,42
Du lịch lữ hành	39.831	34.726	74.556	68,32	73,77
Dịch vụ khác	2.035.030	1.941.409	3.976.439	113,46	113,69

9. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 02/2025 so với:				%
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	117,19	104,54	102,13	100,79	104,51
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	122,02	103,58	100,76	100,70	103,73
Trong đó:					
Lương thực	131,54	98,85	98,17	99,28	99,66
Thực phẩm	118,64	103,69	101,18	100,88	103,73
Ăn uống ngoài gia đình	124,35	105,21	100,73	100,73	105,34
Đồ uống và thuốc lá	112,70	102,43	101,52	100,02	102,77
May mặc, mũ nón và giày dép	99,54	96,47	99,92	100,00	95,50
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	125,83	113,42	105,65	101,44	112,85
Thiết bị và đồ dùng gia đình	111,28	101,15	99,82	100,01	101,29
Thuốc và dịch vụ y tế	122,60	116,66	115,77	100,00	116,66
Trong đó: Dịch vụ y tế	128,77	121,59	121,43	100,00	121,59
Giao thông	109,54	96,71	101,72	100,70	97,87
Bưu chính viễn thông	95,38	99,90	99,81	100,00	99,90
Giáo dục	113,81	107,24	100,00	100,00	107,24
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	113,54	108,55	100,00	100,00	108,55
Văn hóa, giải trí và du lịch	108,70	103,04	104,25	104,64	101,35
Hàng hóa và dịch vụ khác	135,74	111,03	100,34	100,23	111,15
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	229,40	139,32	105,75	104,79	137,29
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	109,38	103,38	99,94	99,72	103,76

10. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	Triệu đồng				
	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	748.096,72	1.487.693,47	101,15	110,51	112,94
Vận tải hành khách	132.033,26	268.914,41	96,46	105,61	110,53
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	393,86	729,65	117,29	5,78	10,51
Đường thủy nội địa	6.968,77	14.704,22	90,09	105,33	111,60
Đường bộ	124.670,63	253.480,54	96,79	111,72	113,58
Hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	491.645,09	968.004,62	103,21	112,87	114,61
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	5.767	10.144	131,76	255,73	169,34
Đường thủy nội địa	100.234,04	202.148,22	98,35	103,89	117,80
Đường bộ	385.644,25	755.712,84	104,21	114,49	113,30
Hàng không	-	-	-	-	-
Kho bãi, DV hỗ trợ vận tải	97.699,41	192.898,78	102,63	104,50	104,70
Bưu chính, chuyển phát	26.718,96	57.875,66	85,76	116,83	128,25

11. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	2.433,75	5.006,43	94,60	107,86	112,43
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	1,12	2,22	102,23	5,09	9,87
Đường thủy nội địa	1.233,00	2.490,69	98,04	107,40	112,15
Đường bộ	1.199,62	2.513,52	91,30	110,44	113,75
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	206.298,94	430.880,42	91,86	109,17	112,95
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	196,67	389,05	102,23	5,09	9,87
Đường thủy nội địa	2.870,20	6.125,11	88,18	106,80	115,15
Đường bộ	203.232,08	424.366,26	91,90	111,42	114,01
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	2.068,01	4.097,20	101,91	108,88	113,53
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	10,48	18,44	131,76	255,73	169,34
Đường thủy nội địa	735,05	1.491,84	97,13	103,56	118,18
Đường bộ	1.322,47	2.586,93	104,59	111,56	110,75
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	363.373,64	713.641,63	103,74	112,19	116,26
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	11.532	20.285	131,76	255,73	169,34
Đường thủy nội địa	156.798	315.116	99,04	103,36	116,75
Đường bộ	195.042,71	378.240,12	106,47	116,32	113,94
Hàng không	-	-	-	-	-

12. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	TH 01 tháng năm 2025 (Triệu đồng)	TH 25 ngày tháng 02 năm 2025 (Triệu đồng)	Lũy kế TH đến 25 ngày tháng 02 năm 2025 (Triệu đồng)	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2025 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.607.107	2.063.496	3.670.603	16,67	121,99
A. Thu NSNN theo dự toán được giao (I+II)	1.606.933	1.061.805	2.668.738	21,59	126,43
I. Thu nội địa	1.577.337	1.048.370	2.625.707	21,73	125,60
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước	95.382	33.710	129.092	19,62	97,46
2. Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	170.778	217.880	388.658	32,94	121,82
3. Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	496.759	231.439	728.198	24,68	118,01
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	170.661	217.680	388.341	31,32	154,70
6. Lệ phí trước bạ	35.600	24.023	59.623	13,87	106,32
7. Thuế bảo vệ môi trường	68.814	78.123	146.937	11,13	113,63
8. Thu phí, lệ phí	50.626	6.590	57.216	27,91	104,44
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.767	2.645	6.412	18,32	124,63
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	4.033	1.722	5.755	3,18	63,01
11. Thu tiền sử dụng đất	74.994	67.640	142.634	9,20	236,02
12. Thu tiền bán nhà, KH, thuê nhà thuộc SHNN	-	1.850	1.850	18,50	217,14
13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	386	-	386	4,83	179,12
14. Thu khác ngân sách	20.109	15.646	35.755	12,63	80,58
15. Thu cổ tức, lợi nhuận	239	-	239	1,99	-
16. Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	385.188	149.423	534.611	26,47	130,18
II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	29.596	13.435	43.031	15,37	212,40
B. Thu vay để bù đắp bội chi theo hạn mức được duyệt	-	-	-	-	-
C. Các khoản huy động, đóng góp	-	-	-	-	-
D. Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW	-	1.001.691	1.001.691	12,38	127,23
E. Thu hoàn trả các cấp ngân sách	174	-	174	-	317,09

13. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	TH 01 tháng năm 2025 (Triệu đồng)	TH 25 ngày tháng 02 năm 2025 (Triệu đồng)	Lũy kế TH đến 25 ngày tháng 02 năm 2025 (Triệu đồng)	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2025 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng chi ngân sách địa phương	1.380.442	236.132	4.926.559	20,36	91,76
I. Chi đầu tư phát triển	233.665	21.932	3.565.582	39,09	82,09
II. Chi thường xuyên	1.117.219	205.666	1.322.885	16,16	129,01
Trong đó:					
- Chi quốc phòng và an ninh:	33.599	16.256	49.855	23,31	127,78
+ Quốc phòng	25.816	12.451	38.267	23,99	118,54
+ An Ninh	7.782	3.806	11.588	21,31	172,08
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	464.219	54.804	519.023	13,94	130,85
- Sự nghiệp y tế	51.468	20.565	72.033	17,32	132,52
- Chi đảm bảo xã hội	176.786	9.363	186.149	55,54	121,34
- Chi quản lý hành chính	175.420	23.503	198.923	18,69	137,74
- Chi khác ngân sách	27.883	627	28.510	6,54	172,91
- Chi ngân sách xã	123.787	19.149	142.936	15,28	119,77
III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
III. Dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
IV. Chi trả nợ lãi	-	-	-	-	-
V. Chi trả nợ gốc	-	-	-	-	-
VI. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	174	-	174	-	317,09

14. Trật tự, an toàn xã hội

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	21	45	87,50	50,00	53,57
Đường bộ	21	44	91,30	51,22	53,01
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	1	-	-	100
Số người chết (Người)	16	34	88,89	94,12	109,68
Đường bộ	16	33	94,12	94,12	106,45
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	1	-	-	-
Số người bị thương (Người)	8	19	72,73	19,51	24,36
Đường bộ	8	19	72,73	20,00	24,68
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Cháy, nổ					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	-	-	-	-

(Từ ngày 15/01/2025 đến ngày 14/02/2025)